TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-PT
Ngày 12- 02 - 2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đấtvà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Cao Đức Chiến;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà NguyễnThị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:78/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 12năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Tuấn H, cư trú tại: Ngõ A, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:*Ông Hoàng Văn A(tên gọi khác: Hoàng Tuấn A), Cư trú tại: Thôn Kh, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị L- Luật sư Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện hợp pháp của Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn:*Ông Phan Hoàng T-Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V (theo văn bản ủy quyền số 48ngày 19 tháng 7 năm 2019).

Vắng mặt.

2. Bà Vi Thị H, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú:Thôn Kh, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị L- Luật sư Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Anh Hoàng Linh G, sinh năm 2000, địa chỉ:Thôn Kh, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanbà Vi Thị H và anh Hoàng Linh G: Ông Hoàng Văn A(Hoàng Tuấn A), địa chỉ: Thôn Kh, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo hợp đồng ủy quyền ngày 20/9/2019). Có mặt.

- *Người kháng cáo:*Ông Hoàng Văn A(Hoàng Tuấn A) là bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hoàng Tuấn H trình bày: Gia đình ông có thửa đất số 293, diện tích 887m^2, tờ bản đồ số 67 tại Thôn Kh, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc do ông cha để lại, từ năm 1970 thửa đất này do bố mẹ ông quản lý sử dụng, sau đó bố mẹ ông đi thoát ly và giao lại cho em gái là bà Hoàng Thị B quản lý sử dụng. Sau đó đưa vào Hợp tác xã quản lý, canh tác, sau khi tan hợp tác xã gia đình ông nhận lại đất và năm 1991 - 1992 ông kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 1993 ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm nhiều thửa đất trong đó có thửa số 16, diện tích 1.750m^2, tờ bản đồ số 04 bản đồ giải thửa 299 xã T. Đến năm 2014 ông kê khai và được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính là thửa đất số 293, diện tích 887m^2, tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là khi ông làm thủ tục chuyển nhượng đất này cho người khác thì bà Vi Thị H làm đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã T, sự việc sau đó đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T nhưng không thành. Nay ông khởi kiện yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất 887m^2, thửa đất 293, tờ bản đồ số 67, tại Thôn Kh, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn ông Hoàng Văn A trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là do ông nội của ông là ông Hoàng Vĩnh T trao đổi với ông Hoàng Tuấn H, đổi 04 sào ruộng và 01 rừng hồi. Gia đình ông quản lý sử dụng diện tích đất từ khi ông còn nhỏ. Trong quá trình quản lý sử dụng ông đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 313, diện tích 527m^2. Việc ông Hoàng Tuấn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 ông không biết vì lúc đó ông đang ở trong quân ngũ, hiện tại thửa đất này ông đang trồng ngô. Nay ông yêu cầu tiếp tục được quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp. Ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Tuấn H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vi Thị H và anh Hoàng Linh G nhất trí với ý kiến của ông Hoàng Văn A.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V trình bày: Diện tích đất tranh chấp giữa ông Hoàng Tuấn H với ông Hoàng Văn A thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ địa chính số 67 bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2007, có diện tích 887,0 m^2, tại Thôn Kh, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đối chiếu với bản đồ 299 xã T năm 1968, diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 16, diện tích 1.750 m^2, tờ số 04 bản đồ 299 xã T.Việc đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 1993 thực hiện chủ trương kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã T, ông Hoàng Tuấn H có đơn kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16 diện tích 1750m^2, tờ số 04 bản đồ 299 xã T. Ông Hoàng Tuấn H đã được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 912890, số vào sổ H 00322, ngày 12/8/1993 đối với thửa đất số 16 diện tích 1750 m^2, tờ số 04 bản đồ 299 xã T, huyện V.Năm 2014, ông Hoàng Tuấn H có đơn xin cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16, diện tích 1750 m^2, tờ số 04 bản đồ 299 xã T, theo bản đồ địa chính xã T là thửa đất số 293, có diện tích 887,0 m^2, tờ bản đồ địa chính số 67 bản đồ địa chính xã T. Ông Hoàng Tuấn H đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 552975 số vào sổ CH 01819 ngày cấp 17/3/2014 đối với thửa đất số 293, có diện tích 887,0 m^2, tờ bản đồ địa chính số 67 bản đồ địa chính xã T, huyện V.Ông Hoàng Văn A cho rằng diện tích đất tranh chấp gia đình ông đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 313 tờ bản đồ 67, diện tích 527 m^2. Qua kiểm tra tờ bản đồ 67, bản đồ địa chính xã T, huyện V thì thửa đất số 293 diện tích 887,0 m^2 và thửa đất số 313 diện tích 527m^2 là 02 thửa đất riêng biệt, nằm ở 02 vị trí khác nhau. Qua xem xét, vị trí đất tranh chấp nằm ở thửa đất số 293 diện tích 887,0 m^2 tờ bản đồ 67 bản đồ địa chính xã T, huyện V chứ không phải vị trí thửa đất số 313 tờ bản đồ 67 diện tích 527 m^2 như ông Hoàng Văn A trình bày.Qua xem xét nội dung vụ việc, hồ sơ lưu tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, việc UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Tuấn H đối với thửa đất số 16, diện tích 1750 m^2, tờ số 04 bản đồ 299 xã T, huyện V là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với việc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Tuấn H theo bản đồ địa chính xã T là thửa đất số 293, có diện tích 887,0 m^2, tờ bản đồ địa chính số 67 bản đồ địa chính xã T, trong quá trình ông Hoàng Tuấn H, kê khai đã kê khai nhầm giữa thửa số 25 và thửa số 16 đúng ra ông Hoàng Tuấn H phải kê khai thửa số 16 diện tích 1750,0 m^2, tờ số 04 bản đồ 299 xã Tđể cấp đổi thành thửa số 293, diện tích 887,0 m^2, tờ bản đồ địa chính số 67 bản đồ địa chính xã T, nhưng trong đơn xin kê khai lại thể hiện ông Hoàng Tuấn H kê khai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa số 25, diện tích 1.200m^2 sang thửa đất số 293, diện tích 887m^2. Như vậy việc UBND huyện V cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Tuấn H là chưa đảm bảo đúng theo quy trình của pháp luật. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật UBND huyện V sẽ yêu cầu ông Hoàng Tuấn H thực hiện kê khai, khai lại theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy việc ông Hoàng Văn A và bà Vi Thị H yêu

cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Tuấn H là không có căn cứ.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019, theo mảnh trích đo địa chính số 26 – 2019 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 01 Lạng Sơn xác định diện tích đất tranh chấp là 887,0m^2, thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 67 có các hướng tiếp giáp (có sơ họa kèm theo)

Với nội dung như trên, bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên.

Căn cứ vào Điều 202, 203 của Luật Đất đai; Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;. Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn H, ông Hoàng Tuấn H được quản lý, sử dụng thửa đất số 293, diện tích 887,0 m^2, tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 552975, số vào sổ CH 01819 cho ông Hoàng Tuấn H.Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như. *(Hiện trạng thửa đất được mô tả theo mảnh trích đo địa chính số 26-2019 ngày 07/8/2019).*

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn A đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 887,0m^2 tại thửa số 293, tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Tuấn H vì không có căn cứ.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu ông Hoàng Tuấn H thực hiện các thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trích đo địa chính thửa đất: Buộc ông Hoàng Văn A phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hoàng Tuấn H số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trích đo địa chính thửa đất là 5.754.000đồng(năm triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hànháncủa các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định bị đơn ông Hoàng Văn A có đơn kháng cáo, yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ số 67 diện tích là 527m^2 đã được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận cho ông và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận của ông Hoàng Tuấn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bịđơn ông Hoàng Văn A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợiích hợp pháp của ông Hoàng Văn A, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật. Trên thực tế diện tích đất đã được cấp cho ông Hoàng Văn A không có tranh chấp.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xửvà Thư ký phiên tòađã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn A làm trong hạn luậtđịnh nên hợp lệ,ông yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ số 67 diện tích là 527m^{2}đã được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận cho ông, đây làdiện tích đất không tranh chấp vàxác định thửa đất số 293 diện tích 887,0 m^{2}đang tranh chấp và thửa đất số 313 diện tích 527 m^2 là hai thửa đất riêng biệt và nằm ở hai vị trí khác nhau trên bản đồ địa chính.Hơn nữa, ông Hoàng Văn Akháng cáonhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo, nên không có căn cứ để chấp nhận.Tuy nhiên, ông Hoàng Văn A là hộ nghèo nên được miễn tiền án phí theo quy định của điểmđ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Từ những phân tích trên,đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa phầnán phí và sửa lời tuyên của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòaánnhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt đại diệnỦy ban nhân dân huyện V, đã có đơn xin xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị H, anh Hoàng Linh G vắng mặt, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo củaông Hoàng Văn A thấy rằng, ông yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ số 67 diện tích là 527m^2 đã được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận cho ông và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận của ông Hoàng Tuấn H là không có căn cứ. Bởi, diện tích đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 07/8/2019, theo mảnh trích đo địa chính số 26 – 2019 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 01 Lạng Sơn đã xác định thửa đất hiện đang tranh chấp là thửa số 293 diện tích 887,0 m^{2}thuộc Thôn Kh, xã T, huyện V đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Hoàng Tuấn H năm 1993, cấp đổi là năm 2014. Đối với thửa đất số 313 diện tích 527 m^{2}đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn A ngày 19/12/2008 có vị trí tiếp giáp: phía Bắc giáp thửa đất 307 của hộ ông Hoàng Văn A, phía Nam giáp thửa đất 338 của hộ ông Đinh Văn D, phía Đông giáp thửa 308 của hộ ông Đinh Mạnh Đ, phía Tây giáp thửa 314 của hộ ông Hoàng Văn N, như vậy, có căn cứ để khẳng định là hai thửa đất riêng biệt và nằm ở hai vị trí

khác nhau trên bản đồ địa chính xã T, huyện V.Xét thấy, Bản án sơ thẩm củaTòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã xét xửlà có căn cứ.Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn A.Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộcông Hoàng Văn Aphải chịu phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì ông Hoàng Văn A có Giấy chứng nhận là hộ nghèo (BL số88). Mặt khác, tại phần Quyết định của bản ánsơ thẩm (*tại mục 3. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu ông Hoàng Tuấn H thực hiện các thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật)*.Tuyên như vậy là chưa chính xác. Bởi vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa về phần án phí và lời tuyên của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Do yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn A không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí phúc thẩm. Nhưng, do ông Hoàng Văn A thuộc diện hộ nghèo có xác nhận của Chính quyềnđịa phương (BL số 88) nên được miễnán phí theo quy định tại điểmđ khoản 1 Điều 12của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Hội đồng xét xử phúc thẩmđãáp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa phần án phí và lời tuyên của bảnán dân sự sơ thẩm, nên ông Hoàng Văn A không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại số tiền án phí phúc thẩm cho ông Hoàng Văn A.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hoàng Văn A, được Hội đồng xét xử xem xét khi nghỉ nghị án.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308;khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn A; sửa về phần án phí và lời tuyên của Bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể như sau:

Căn cứ vào Điều 202, 203 của Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 của Bộ

luật Dân sự;điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn H, ông Hoàng Tuấn H được quản lý, sử dụng thửa đất số 293, diện tích 887,0 m^2, tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 552975, số vào sổ CH 01819 cho ông Hoàng Tuấn H.Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đường đi chung;

- Phía Tây giáp đất nhà ông Hoàng Văn P;

- Phía Nam giáp đường liên thôn;

- Phía Bắc giáp đất nhà bà Liễu Thị L.

(Hiện trạng thửa đất được mô tả theo mảnh trích đo địa chính số 26-2019 ngày 07/8/2019).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn A đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 887,0m^2 tại thửa số 293, tờ bản đồ số 67 bản đồ địa chính xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Tuấn H vì không có căn cứ.

3. Ông Hoàng Tuấn H có quyền thực hiện các thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trích đo địa chính thửa đất: Buộc ông Hoàng Văn A phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hoàng Tuấn H số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trích đo địa chính thửa đất là 5.754.000đồng(năm triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng).Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, nếu chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm: Hoàn trả cho ông Hoàng Tuấn H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2012/03765 ngày 11/6//2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Ông Hoàng Văn A được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Trả lại cho ông Hoàng Văn A số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạmứngán phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu sốAA/2012/03826 ngày 20/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

7. Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Đức Chiến

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm Nguyễn Thị Minh ThùyCao Đức Chiến